

Số: 158/2024/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985

HKTT/địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1979

HKTT/địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của chị N, anh T):

Cháu **Nguyễn Quang Việt A**, sinh ngày 12/4/2019.

HKTT/địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu **Nguyễn Quang Việt A** là bố, mẹ đẻ cháu.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/12/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Quang T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang T đều thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh T và chị N cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 13/02/2004 và cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 31/8/2006 và cháu Nguyễn Quang Việt A, sinh ngày 12/4/2019.

Khi ly hôn, anh T và chị N thống nhất thỏa thuận: cháu Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Quang T1 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được cuộc sống nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Quang Việt A giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung, nợ chung và đất ruộng nông nghiệp, công sức:** Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BTLU/24/0002991 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị N đã nộp đủ án phí, trả lại chị N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Mễ Sở, huyện Văn Giang;
- (ĐKKH ngày 08/02/2003);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hoàng L